

PHƯƠNG PHÁP NHẬN DẠNG ẨN DỤ Ý NIỆM

ThS ĐÀO DUY TÙNG

Abstract: This paper applies the MIP method (2007) and five steps method of Gerard Steen (2009) to identify metaphors in the text and identify cross-domain structures between domain concepts. Whereby, the article draws a method for identifying language metaphors and conceptual metaphor mapping.

Keywords: *metaphor, conceptual metaphor, MIP method, Gerard Steen's method, mapping.*

1. Dẫn nhập

George Lakoff và Mark Johnson [3] cho rằng bản chất của ẩn dụ là sự ý niệm hóa và hiểu những hiện tượng loại này thông qua những hiện tượng loại khác. Điều đó tiền giả định ẩn dụ ý niệm tồn tại hai miền ý niệm NGUỒN và ĐÍCH, trong đó, miền NGUỒN có chức năng cung cấp tri thức mới và chuyển (gán) tri thức đó cho miền ĐÍCH thông qua các ánh xạ (mapping). Tuy nhiên, để có được miền ý niệm NGUỒN và ĐÍCH, đòi hỏi người nghiên cứu phải có sự khái quát từ những biểu thức ẩn dụ ngôn ngữ. Điều này chưa được George Lakoff và Mark Johnson chỉ ra, nói cách khác, trong tác phẩm kinh điển của mình, George Lakoff và Mark Johnson chưa đề cập đến phương pháp khái quát hóa ẩn dụ ý niệm.

Các nhà ẩn dụ tri nhận phân biệt giữa diễn đạt ẩn dụ và ý niệm ẩn dụ, nhưng không đề cập phương pháp khái quát hóa ý niệm ẩn dụ. Trong bài viết của mình, Steen [7] đặt ra những câu hỏi và đây cũng là bản khoản của nhiều

người khi nghiên cứu ẩn dụ ý niệm, đó là: Làm thế nào nhà ngôn ngữ học tri nhận có thể nhận biết được từ ẩn dụ ngôn ngữ đến ẩn dụ ý niệm? Có phương pháp nào cho việc xác định ẩn dụ ý niệm và ẩn dụ ngôn ngữ? Từ những câu hỏi này, tác giả đã xây dựng một phương pháp gồm 5 bước, có tác dụng làm cầu nối giữa ngôn ngữ và ẩn dụ ý niệm. Các phương pháp này, theo tác giả, là khởi đầu cho một tiến trình xác định ẩn dụ ý niệm trong diễn ngôn. Đến năm 2007, sau nhiều năm hợp tác nghiên cứu, nhóm Pragglejazz (Pragglejazz Group) [5] cho công bố phương pháp MIP (Metaphor Identification Procedure), một phương pháp xác định ẩn dụ gồm 4 bước (Steen là một trong những thành viên của nhóm). Phương pháp này sau khi được công bố đã đem lại giá trị đáng tin cậy trong khoa học thực nghiệm. Tuy nhiên, Steen nhận ra khiếm khuyết của phương pháp MIP ở chỗ là *phương pháp này chỉ dừng lại ở việc nhận dạng ẩn dụ trong diễn ngôn mà chưa nhận dạng được cấu trúc xuyên lĩnh vực giữa các miền ý niệm*. Chính vì

thế, năm 2009, Steen [8] tiếp tục đưa ra phương pháp 5 bước để bổ sung những khiếm khuyết vừa nêu.

Từ những vấn đề lí thuyết đặt ra trong phương pháp MIP [5] và phương pháp 5 bước của Gerard Steen [8], bài viết này vận dụng để nhận dạng ẩn dụ trong văn bản và cấu trúc xuyên lĩnh vực giữa các miền ý niệm. Qua đó, bài viết cũng rút ra một phương pháp nhận dạng ẩn dụ ngôn ngữ và ẩn dụ ý niệm.

2. Phương pháp nhận dạng ẩn dụ: phương pháp MIP và phương pháp Gerard Steen*

Trong phần này, chúng tôi sẽ trình bày lí thuyết về phương pháp nhận dạng ẩn dụ của nhóm Pragglejaz và phương pháp 5 bước của Gerard Steen, sau đó phân tích bằng những thí dụ tiếng Việt cụ thể được trích dẫn trong ca dao.

2.1. Phương pháp MIP (Metaphor Identification Procedure) của Pragglejaz Group

Pragglejaz Group là một nhóm nghiên cứu ẩn dụ quốc tế, đã đưa ra một phương pháp rõ ràng và chính xác hợp với quy tắc để có thể xác định ẩn dụ trong diễn ngôn. Tên nhóm (Pragglejaz) được bắt nguồn từ các chữ cái đầu tiên của tên riêng các thành viên:

Peter Crisp, Chinese University Hong Kong, China

Ray Gibbs, University of California, Santa Cruz, USA

Alan Cienki, VU University (Amsterdam) Netherlands

Graham Low, University of York, UK

Gerard Steen, VU University (Amsterdam) Netherlands

Lynne Cameron, Open University (Milton Keynes), UK

Elena Semino, Lancaster University, UK

Joe Grady, Cultural Logic LLC (Washington DC), USA

Alice Deignan, University of Leeds, UK

Zoltán Kövecses, Eötvös Loránd University (Budapest), Hungary

Nhóm Pragglejaz đã hợp tác với nhau trong 6 năm và phát triển một công cụ xác định ẩn dụ trong diễn ngôn tự nhiên rất đáng tin cậy. Điều này đã được kiểm chứng và được đánh giá cao bởi sự cố gắng xác định rõ ràng trong nghiên cứu thực nghiệm hiện nay về ngôn ngữ học tri nhận (cognitive linguistics), phân tích diễn ngôn (discourse analysis), ngôn ngữ tâm lí học (psycholinguistics) và ngôn ngữ học ứng dụng (applied linguistics). Bài viết *MIP: A Method for Identifying Metaphorically Used Words in Discourse* (2007) là kết quả đầy nỗ lực của nhóm Pragglejaz qua nhiều năm thử nghiệm, nghiên cứu.

.....

* Ngoài phương pháp MIP của nhóm Pragglejaz, phương pháp 5 bước của Gerard Steen, còn có Phương pháp MIPVU. Đây là một phương pháp gồm 6 bước. Phương pháp này cũng tập trung xác định ẩn dụ và các ảnh xạ xuyên lĩnh vực. Tuy nhiên, phương pháp này có điểm đáng chú ý là xác định ẩn dụ trực tiếp và ẩn dụ chìm ở bước 3, 4 (xem thêm 9).

Phương pháp MIP của nhóm Pragglejaz tập trung vào việc phân tích ẩn dụ ngôn ngữ được sử dụng trong từ, hoặc các đơn vị từ vựng trong diễn ngôn. Đây là phương pháp gồm 4 bước, được coi là một công cụ nhận dạng ẩn dụ tương đối đơn giản nhưng hiệu quả. Phương pháp MIP như sau:

1) Đọc toàn bộ văn bản - diễn ngôn (text - discourse) để thiết lập một sự hiểu biết khái quát về ý nghĩa.

2) Xác định các đơn vị từ vựng trong văn bản - diễn ngôn.

3) a) Đối với mỗi đơn vị từ vựng trong văn bản, thiết lập ý nghĩa của nó trong ngữ cảnh, đó là, làm thế nào nó áp dụng cho một thực thể, mối quan hệ, hoặc thuộc tính trong tình huống được gọi lên từ văn bản (ý nghĩa theo ngữ cảnh). Những đơn vị từ vựng được giải thích phải xuất hiện lần lượt theo trình tự trước sau.

b) Đối với mỗi đơn vị từ vựng, xác định xem nó có hay không ý nghĩa hiện tại cơ bản hơn trong những ngữ cảnh khác ngoài ngữ cảnh đã cho. Theo chúng tôi (Pragglejaz - chú thích của chúng tôi ĐDT), ý nghĩa cơ bản có xu hướng:

- Cụ thể hơn; chúng gọi lên những gì dễ dàng hơn để tưởng tượng (imagine), quan sát (see), nghe (hear), sờ (feel), ngửi (smell) và nếm (taste).

- Liên quan đến hành động cơ thể.

- Chính xác hơn (trái ngược với mơ hồ).

- Cổ hơn về phương diện lịch sử.

Ý nghĩa cơ bản không nhất thiết phải là ý nghĩa thường xuyên nhất của các đơn vị từ vựng.

c) Nếu đơn vị từ vựng có ý nghĩa hiện hành cơ bản hơn trong bối cảnh khác so với bối cảnh đã cho, quyết định xem có nghĩa ngữ cảnh tương phản với nghĩa cơ bản nhưng có thể hiểu trong sự so sánh với nó không.

4) Nếu có, chúng tỏ đơn vị từ vựng đó là ẩn dụ [5, 3].

Sau đây, chúng tôi vận dụng phương pháp MIP vào việc thực nghiệm nhận dạng ẩn dụ trong ca dao để thấy được hiệu quả của chúng đem lại là rất chính xác.

Cá không ăn câu thật là con cá đại,

Bời câu anh cầm, câu ngãi câu nhơn.

Bước 1. Xác định ý nghĩa khái quát của văn bản

Văn bản trên có nội dung “chê con cá đại” không ăn câu, vì đây là *câu ngãi, câu nhơn*. “*Câu*” này, theo tác giả dân gian, không giống với *câu* bình thường.

Bước 2. Xác định các đơn vị từ vựng trong văn bản (các đơn vị từ vựng được phân giới bằng dấu gạch chéo (/)):

Cá₁/ không/ ăn/ câu₁/ thật là/ con cá₂/ đại,

Bời/ câu₂/ anh/ cầm/, câu₃/ ngãi/ câu₄/ nhơn.

Chúng tôi không tách riêng những thành phần trong từ ghép *con cá* và quán ngữ *thật là* vì mỗi yếu tố tách riêng không có nghĩa ngữ cảnh. (*Con*

là danh từ chỉ từng đơn vị cá thể động vật, trong ngữ cảnh trên, từ ghép *con cá* được xét chung với từ đơn *cá* để giải tiện cho việc xác định nghĩa ngữ cảnh và nghĩa cơ bản).

Bước 3. Phân tích từng đơn vị từ vựng

* *Cá*_{1, 2}

- Nghĩa ngữ cảnh: *cá* chỉ người con gái.

- Nghĩa cơ bản: *cá* là động vật sống dưới nước, thở bằng mang, bơi bằng vây.

- Nghĩa ngữ cảnh khác nghĩa cơ bản nhưng có thể hiểu bằng cách so sánh, nghĩa là có thể ý niệm “người con gái quyết định lựa chọn trong quan hệ tình yêu” với “cá ăn câu”.

Bước 4. Kết luận: *Cá* là ẩn dụ.

* *Không*

- Nghĩa ngữ cảnh: biểu thị ý phủ định đối với điều được nêu ra sau đó (không *ăn câu*).

- Nghĩa cơ bản: không có nghĩa cơ bản hơn.

- Không có nghĩa tương phản giữa nghĩa ngữ cảnh với nghĩa cơ bản.

Kết luận: *Không* không phải ẩn dụ.

* *Ăn*

- Nghĩa ngữ cảnh: *ăn* là quyết định, lựa chọn, chấp nhận, nhận lời (của cô gái) trong quan hệ tình yêu (với chàng trai).

- Nghĩa cơ bản: cho thức ăn vào dạ dày qua miệng.

- Nghĩa ngữ cảnh khác nghĩa cơ bản nhưng có thể hiểu bằng cách so sánh hai nghĩa này: sự “chọn lựa thức ăn” trong từng khoảnh khắc của “con cá” cũng giống như sự chọn lựa, quyết định của “con người” ở những thời điểm khác nhau trong những vấn đề khác nhau của cuộc sống.

Kết luận: *Ăn* là ẩn dụ.

* *Câu*

- Nghĩa ngữ cảnh: *câu* chỉ người con trai (*câu* là hình ảnh biểu trưng trong sự sóng đôi với *cá*: người con trai - người con gái).

Nghĩa cơ bản: bắt cá, tôm... bằng cần câu, thường có mắc mồi ở lưỡi câu.

- Nghĩa ngữ cảnh khác nghĩa cơ bản nhưng có thể hiểu bằng cách so sánh hai nghĩa này: hoạt động bắt cá “bằng câu” cũng như hoạt động “tán gái” của chàng trai (chủ động). *Cá ăn câu* cũng giống như *người con gái chấp nhận* (lời tỏ tình, tình yêu...) *chàng trai*. *Cá không ăn câu* cũng giống như *người con gái không chấp nhận* (lời tỏ tình, tình yêu...) *chàng trai*.

Kết luận: *Câu* là ẩn dụ.

* *Thật là*

- Nghĩa ngữ cảnh: biểu thị ý nghĩa tình thái khẳng định về một việc qua thực tế thấy đúng như vậy, phải thừa nhận, không có gì còn phải nghi ngờ (tình thái trong ngữ cảnh này là: khẳng định *con cá - người con gái* đại vì *không ăn câu*).

- Nghĩa cơ bản: không có nghĩa cơ bản hơn.

- Nghĩa ngữ cảnh tương tự nghĩa cơ bản.

Kết luận: *Thật là* không phải ẩn dụ.

*** Đại**

- Nghĩa ngữ cảnh: chỉ sự “không biết nắm bắt cơ hội”, “không biết trân trọng”, “không biết suy xét” hoàn cảnh, đối tượng (của *con cá - cô gái*).

- Nghĩa cơ bản: thiêu khả năng suy nghĩ, phán đoán để ứng phó hay đưa ra quyết định.

- Nghĩa ngữ cảnh khác nghĩa cơ bản nhưng có thể hiểu bằng cách so sánh hai nghĩa này: *cái đại* của *con cá* cũng chính là *cái đại* của *cô gái không biết nắm bắt cơ hội* vì *thiếu khả năng suy nghĩ* để đưa ra quyết định đúng đắn.

Kết luận: *Đại* là ẩn dụ.

*** Bời**

- Nghĩa ngữ cảnh: biểu thị điều sắp nêu ra là lí do của việc được nói đến (*Cá không ăn câu thật là con cá đại/ Bời câu anh cầm, câu ngãi câu nhơn*).

- Nghĩa cơ bản: không có nghĩa cơ bản hơn.

- Không có nghĩa khác biệt giữa nghĩa ngữ cảnh với nghĩa cơ bản.

Kết luận: *Bời* không phải ẩn dụ.

*** Anh**

- Nghĩa ngữ cảnh: người con trai dùng để tự xưng.

- Nghĩa cơ bản: không có nghĩa cơ bản hơn.

- Không có sự khác biệt giữa nghĩa ngữ cảnh với nghĩa cơ bản.

Kết luận: *Anh* không phải ẩn dụ.

*** Cầm**

- Nghĩa ngữ cảnh: giữ trong lòng bàn tay.

- Nghĩa cơ bản: không có nghĩa cơ bản hơn.

- Không có sự khác biệt giữa nghĩa ngữ cảnh với nghĩa cơ bản.

Kết luận: *Cầm* không phải ẩn dụ.

*** Ngãi (nghĩa: 義)**

- Nghĩa ngữ cảnh: người sống có tình, biết trọng tình, sống thủy chung, có trước có sau, không tráo trở, phản bội...

- Nghĩa cơ bản: điều được coi là hợp lẽ phải, làm khuôn phép cho cách xử thế của con người trong xã hội.

- Nghĩa ngữ cảnh khác nghĩa cơ bản nhưng có thể hiểu bằng cách so sánh hai nghĩa này: người trọng tình, thủy chung là sự tình *đúng với lẽ phải, phù hợp với đạo lí*.

Kết luận: *Ngãi* (nghĩa) là ẩn dụ.

*** Nhơn (Nhân: 仁)**

- Nghĩa ngữ cảnh: người có ý thức, trách nhiệm, có tấm lòng thủy chung.

- Nghĩa cơ bản: lòng thương người.

- Nghĩa ngữ cảnh khác nghĩa cơ bản nhưng có thể hiểu bằng cách so sánh hai nghĩa này: người có ý thức, trách nhiệm, có tấm lòng thủy chung là *người có đức nhân*.

Kết luận: *Nhơn* là ẩn dụ.

Từ việc phân tích văn bản ca dao trên, chúng tôi nhận dạng được 10 ẩn dụ trong tổng số 15 đơn vị từ vựng. Đây là một tỉ lệ ẩn dụ xuất hiện khá cao trong văn bản ca dao, chiếm 66,7%. Văn bản ca dao tuy không quá phức tạp nhưng lại rất sinh động, do đó, có thể có những ý kiến khác nhau về cách xác định các đơn vị từ vựng, phân tích

nghĩa ngữ cảnh và xác định nghĩa cơ bản. Tuy nhiên, theo nhóm Pragglejaz, “Một trong những mục đích có giá trị nhất của MIP là các bước thực hiện rõ ràng cho phép các nhà nghiên cứu xác định chỗ bất đồng ý kiến của họ là một từ có nghĩa ẩn dụ hay không trong ngữ cảnh” [5, 13].

Phương pháp MIP của nhóm Pragglejaz chỉ tập trung nhận dạng ẩn dụ trong diễn ngôn mà không khái quát hóa thành ánh xạ ý niệm. Vì vậy, chúng tôi tiếp tục sử dụng phương pháp 5 bước của Gerard Steen [8, 197-226] để nhận dạng cấu trúc ý niệm và xác lập ánh xạ ẩn dụ giữa hai miền ý niệm.

2.2. Phương pháp 5 bước của Gerard Steen (1999, 2009)

Ý tưởng ban đầu của phương pháp 5 bước ([7], [8]) là để tạo nên một kết nối giữa các hình thức của ẩn dụ ngôn ngữ trong lời nói và văn bản, nói cách khác, các cấu trúc ý niệm của ẩn dụ được giả định trong ngôn ngữ học tri nhận ở dạng ẩn dụ ý niệm, chẳng hạn như TRANH LUẬN LÀ CHIẾN TRANH. Vì hầu hết các công trình nghiên cứu trong những năm qua không thảo luận về ẩn dụ hoặc không quan tâm nhiều đến các hình thức như so sánh (simile) hoặc tương tự (analogie), vai trò của ẩn dụ là ẩn dụ trong giao tiếp đã không được xử lý như một vấn đề riêng biệt. Cách mà các từ ngữ được sử dụng trong giao tiếp hoặc phương tiện tu từ trái ngược

với ngôn ngữ và cấu trúc ý niệm không được xem xét.

Năm 1999, trong bài viết *From Linguistic to Conceptual Metaphor in Five Steps* [7, 57-77], Gerard Steen đưa ra 5 bước nghiên cứu về những vấn đề như nhận dạng ẩn dụ, ý tưởng ẩn dụ, so sánh tu từ, tương đồng tu từ và ánh xạ tu từ, cụ thể:

- 1) Tập trung nhận dạng ẩn dụ
- 2) Nhận dạng ý tưởng ẩn dụ
- 3) Nhận dạng so sánh tu từ
- 4) Nhận dạng tương đồng tu từ
- 5) Nhận dạng ánh xạ tu từ

Đến năm 2009, trong bài viết *From Linguistic Form to Conceptual Structure in Five Steps: Analyzing Metaphor in Poetry*, trên cơ sở kế thừa 5 bước từ năm 1999, Gerard Steen [8, 197-226] đưa ra 5 bước như sau:

- 1) Nhận dạng các từ ẩn dụ có liên quan
- 2) Nhận dạng các mệnh đề ẩn dụ có liên quan
- 3) Nhận dạng so sánh mở
- 4) Nhận dạng cấu trúc tương tự
- 5) Nhận dạng ánh xạ xuyên lĩnh vực

Tác giả đã đưa ra thí dụ *Now sleeps the crimson petal - Giờ đây ngủ yên cánh hoa đỏ thắm* (Lord Alfred Tennyson), và phân tích qua 5 bước như sau:

Văn bản	<i>Giờ đây ngủ yên cánh hoa đỏ thắm</i> (<i>Now sleeps the crimson petal</i>)
1) Nhận dạng những từ ẩn dụ liên quan	Ngủ
2) Nhận dạng mệnh đề	P1 (NGỦ CẢNH HOA) P2 (BỘ NGỮ P1 "GIỜ ĐÂY") P3 (BỘ NGỮ "CẢNH HOA ĐỎ THẨM")

3) Nhận dạng so sánh mở	SIM { $\exists F \exists a$ [F (CÁNH HOA ĐỎ THẮM)] [NGŨ (a)]}
4) Nhận dạng cấu trúc tương tự	SIM {[BẤT ĐỘNG (CÁNH HOA ĐỎ THẮM)], [NGŨ (CON NGƯỜI)]}
5) Nhận dạng ánh xạ xuyên lĩnh vực	NGŨ > KHÔNG HOẠT ĐỘNG CON NGƯỜI > CÁNH HOA ĐỎ THẮM Các suy luận: MỤC ĐÍCH NGŨ > CƠ THỂ NGHỈ NGƠI THỜI GIAN NGŨ > THỜI GIAN KHÔNG HOẠT ĐỘNG: ĐÊM

Để hình dung rõ hơn phương pháp 5 bước của Gerard Steen, một lần nữa chúng tôi phân tích thêm qua thí dụ *Chuối khoe mình chuối lòng trinh* - câu đầu tiên trong bài ca dao sau:

*Chuối khoe mình chuối lòng trinh,
Chuối ở một mình sao chuối có con?*

Văn bản	<i>Chuối khoe mình chuối lòng trinh</i>
1) Nhận dạng những từ ẩn dụ liên quan	<i>Chuối, khoe, mình, chuối, lòng, trinh</i>
2) Nhận dạng mệnh đề	P1 (KHOE MÌNH CHUỐI) P2 (BỘ NGŨ "LÒNG TRINH")
3) Nhận dạng so sánh mở	SIM { $\exists F \exists a$ [F (MÌNH CHUỐI LÒNG TRINH)] [KHOE (a)]}
4) Nhận dạng cấu trúc tương tự	SIM {[KHOE (CON NGƯỜI)], [KHOE (CHUỐI)]}
5) Nhận dạng ánh xạ xuyên lĩnh vực	KHOE > PHỐI BÀY CÁI TỐT/ HAY CON NGƯỜI > CHUỐI Các suy luận: MỤC ĐÍCH KHOE > CÓ TÌNH BỘC LỘ CHO NGƯỜI KHÁC THẤY CÁI TỐT, CÁI HAY CỦA MÌNH CHUỐI LÒNG TRINH > CON NGƯỜI (NGƯỜI CON GÁI) CÒN TRINH TRẮNG: CHƯA CHÔNG

Phương pháp 5 bước của Gerard Steen (2009) tiến bộ hơn phương pháp của nhóm Pragglejaz ở chỗ *nhận dạng cấu trúc xuyên lĩnh vực giữa các miền*

ý niệm. Bài ca dao trên có hai miền ý niệm: THỰC VẬT và CON NGƯỜI. Miền ý niệm THỰC VẬT ánh xạ sang miền ý niệm CON NGƯỜI. Ẩn dụ

cấu trúc ý niệm được rút ra qua bài ca dao là: CON NGƯỜI LÀ THỰC VẬT, CON NGƯỜI CÒN TRONG TRẮNG LÀ THỰC VẬT CHƯA ĐÓM HOA KẾT TRÁI.

3. Kết luận

Trên đây là hai phương pháp tiêu biểu được chúng tôi vận dụng vào việc nhận dạng ẩn dụ trong văn bản (diễn ngôn) và nhận dạng cấu trúc xuyên lĩnh vực giữa các miền ý niệm. Với hai phương pháp này, người nghiên cứu ẩn dụ không chỉ nhận dạng được ẩn dụ ngôn ngữ mà còn nhận dạng được ẩn dụ ý niệm và thấy được sơ đồ hình ảnh (image - schema) giữa các miền ý niệm.

Phương pháp MIP mới chỉ dừng lại ở việc giúp người nghiên cứu nhận dạng được ẩn dụ trong diễn ngôn chứ chưa giải thích được cấu trúc xuyên lĩnh vực giữa các miền ý niệm. Hạn chế này được khắc phục bởi phương pháp 5 bước của Gerard Steen.

Từ hai phương pháp nhận dạng ẩn dụ của nhóm Pragglejaz và phương pháp 5 bước của Gerard Steen cùng với những thí dụ đã phân tích ở trên, chúng tôi rút ra một phương pháp xác định ẩn dụ ngôn ngữ và ẩn dụ ý niệm như sau:

Bước 1. Đọc toàn bộ văn bản để hiểu ý nghĩa khái quát.

Bước 2. Xác định các đơn vị từ vựng trong văn bản.

Bước 3. Xác định ý nghĩa ngữ cảnh (ý nghĩa ngữ cảnh là ý nghĩa trong văn bản đang xét, nó có mối liên hệ giữa những đơn vị từ vựng

đứng trước và sau nó) và ý nghĩa cơ bản (ý nghĩa cơ bản là ý nghĩa trong từ điển) của từng đơn vị từ vựng, sau đó so sánh nghĩa ngữ cảnh và nghĩa cơ bản, nếu thấy:

- Nghĩa ngữ cảnh đồng nhất với nghĩa cơ bản thì đơn vị từ vựng đó không phải là ẩn dụ.

- Nghĩa ngữ cảnh có sự khác biệt so với nghĩa cơ bản nhưng có thể hiểu thông qua sự so sánh với nghĩa cơ bản (trong bối cảnh cụ thể của một nền văn hóa dân tộc, quốc gia) thì đơn vị từ vựng đó là ẩn dụ. Ở bước này cần lưu ý thêm rằng: các đơn vị trong cùng một ngữ cảnh có mối tương quan với nhau, có khi còn là mối quan hệ *kéo theo*. Chẳng hạn, từ *dại* trong ngữ cảnh bài ca dao chúng tôi đã phân tích có mối tương quan với từ *cá*. Vì vậy, *dại* trong ngữ cảnh này là ẩn dụ nhưng trong ngữ cảnh khác có thể không phải là ẩn dụ.

Bước 4. Nhận dạng ánh xạ xuyên lĩnh vực và xây dựng mô hình ẩn dụ ý niệm từ những đơn vị từ vựng vừa mới xác định.

Với phương pháp 4 bước nêu trên, chúng tôi tin rằng có thể nhận dạng được ẩn dụ và ẩn dụ ý niệm trong mọi văn bản.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Dorst A. G., *Personification in discourse: Linguistic forms, conceptual structures and communicative functions*, Language and Literature, 20 (2), 2011.
2. Dorst A.G., Steen G.J. and Mulder G., *Recognition of personifications in*

fiction by non-expert readers, *Metaphor and the Social World*, 1 (2), 2011.

3. Lakoff G., and Johnson M., *Metaphors We Live By*, The University of Chicago Press, Chicago and London, 1980.

4. Ortony, Andrew (ed), *Metaphor and Thought*, Cambridge University Press, UK, 1993.

5. Pragglejaz Group, *MIP: A Method for Identifying Metaphorically Used Words in Discourse*, *Metaphor and Symbol*, 22 (1), 1-39, Lawrence Erlbaum Associates, 2007.

6. Semino, Elena; Heywood, John & Short, Mick (eds), *Methodological Problems in the Analysis of Metaphors in A Corpus of Conversations about Cancer*, *Journal of Pragmatics* 36 (2004), 1271-1294, 2004.

7. Steen Gerard J., *From Linguistic to Conceptual Metaphor in Five Steps*,

In: Gibbs, Raymond/Steen, Geerard (eds.): *Metaphor in Cognitive Linguistics*, John Benjamins, Amsterdam, 57-77, 1999.

8. Steen Gerard J., *From Linguistic Form to Conceptual Structure in Five Steps: Analyzing Metaphor in Poetry*, In: Brône G., Vandaele J., (eds.), *Cognitive Poetics: Goals, Gains, Gaps*, Mouton de Gruyter, Berlin and New York, 197-226, 2009.

9. Steen, Gerard/ Dorst, Aletta/ Hermann, Berenike/ Kaal, Anna/ Krennmayr, Tina/ Pasma, Tryntje, *A Method for Linguistic Metaphor Identification: From MIP to MIPVU*, Amsterdam/ Philadelphia, 2010.

NGŨ LIỆU TRÍCH DẪN

Bảo Định Giang, Nguyễn Tấn Phát, Trần Tấn Vĩnh, Bùi Mạnh Nhị, *Cá dao dân ca Nam Bộ*, Nxb Tp HCM, 1984.